

Bản án số: 18/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 25/6/2021.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Triều Vũ Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Văn Bé.

Ông Võ Thanh Điền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Điều – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2020/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Kiều Thị Lưu L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 07/07/2020 cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 02/6/2021 nguyên đơn bà Kiều Thị Lưu L trình bày:

Vào năm 2000, bà L và ông N sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà L và ông N sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình chung sống, bà L và ông N có 01 (một) người con chung là cháu Nguyễn Kiều Quốc H, sinh ngày 15/4/2002. Về tài sản chung; về nợ chung: Không có.

Nay bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.
- Về con chung: Bà L và ông N có 01 (một) người con chung là cháu Nguyễn Kiều Quốc H, sinh ngày 15/4/2002, hiện cháu H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có; không yêu cầu Tòa án xem xét.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành N: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N, nhưng ông không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Kiều Thị Lưu L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thành N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 235 và Điều 238 xét xử vắng mặt bà L và ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2000, bà L và ông N sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập ông N đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng ông N vẫn vắng mặt, nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Bà Kiều Thị Lưu L xác định trong thời gian chung sống, bà và ông N có một người con chung là cháu Nguyễn Kiều Quốc H, sinh ngày 15/4/2002, hiện cháu H đã trưởng thành. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Kiều Thị Lưu L xác định trong thời gian chung sống bà và ông N không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Kiều Thị Lưu L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thành N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị Lưu L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiều Thị Lưu L được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

2/ Về con chung: Bà Kiều Thị Lưu L xác định trong thời gian chung sống, bà và ông N có một người con chung là cháu Nguyễn Kiều Quốc H, sinh ngày 15/4/2002, hiện cháu H đã trưởng thành. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, về nợ chung: Bà Kiều Thị Lưu L xác định trong thời gian chung sống bà và ông N không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kiều Thị Lưu L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008059 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Kiều Thị Lưu L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thành N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
  - VKSND huyện L;
  - Chi cục THADS huyện L;
  - UBND thị trấn L;
- huyện L;
- Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tăng Triều Vũ Hà**